TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN G** TỈNH ĐIỆN B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2022
"V/v: Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Th

Ông Hoàng Minh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị C - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về: *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/1/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ- HPT ngày 04/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G giữa:

Nguyên đơn: Chị **Cà Thị N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản Đông Th, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt.

Bị đơn: Anh **Cà Văn Ph**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản Đông Th, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M thành phố Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Kiên Tr - Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuần G, tỉnh Điện B vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Khối Thường X, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện B

Người phiên dịch: Chị Tòng Thị Th, sinh năm 1990, địa chỉ: Bản B, xã Chiềng Đ, huyện Tuần G tỉnh Điện B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cà Văn Ph qua tự nguyện tìm hiểu đã lấy nhau theo phong tục tập quán và chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph sử dụng ma túy không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Hơn nữa do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống không có tiếng nói chung, anh Phong còn đánh chị nhiều lần, có lần đánh khiến chị bị ngất phải cấp cứu. Chị N cùng gia đình đã khuyên bảo anh Ph nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, không từ bỏ được nghiện ma túy. Tuy chị và anh Ph vẫn sống chung một nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn nữa. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung: Cháu thứ nhất tên là Cà Văn H, sinh ngày 04/02/1997, cháu thứ hai tên là Cà Thị H, sinh ngày 01/01/1999 hiện tại các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết:

Về tài sản chung:

Chị N đề nghị chia cho chị: 02 con trâu lông màu đen: con nhỏ 1 tuổi có giá trị 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu*), con to 5 tuổi có giá trị 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu*). Về ngôi nhà 5 gian lợp bằng mái ngói Proximang làm trên diện tích đất của ông bà ngoại hai vợ chồng tự làm nên có giá trị 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).* Đề nghị Tòa án giải quyết chia cho chị quản lý sử dụng ngôi nhà trên.

Chia cho anh Cà Văn Ph: 02 con bò: 01 con nhỏ 1 tuổi lông màu vàng có giá trị 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và 01 con to 4 tuổi lông màu vàng có giá trị 20.000.000 đồng và 01 xe máy nhãn hiệu Hon Da mua năm 2010.

Về đất: Có diện tích 500 m^2 của ông bà ngoại, đề nghị được trả lại cho ông bà ngoại, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị có trách nhiệm trả nợ phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần G số tiền 30.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2021 anh Cà Văn Ph thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn, thừa nhận mình có sử dụng chất ma túy song anh không nhất trí ly hôn muốn quay về đoàn tụ, tuy nhiên về phần tài sản và nợ chung, anh nhất trí như phương án chia của chị N.

Về quan hệ con chung: Anh nhất trí như ý kiến của chị N, anh chị có 2 con chung như chị N đã trình bày, các cháu đã trưởng thành nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại văn bản ngày 22/11/2021, đại diện Phòng giao dịch ông Lò Kiên Tr cũng thừa nhận ngày 12/8/2019, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần G có giải ngân cho hộ gia đình anh Cà Văn Ph và chị Cà Thị N vay số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 0,55%/năm, hiện gia đình anh Ph, chị N đã trả 5.000.000 đồng, hiện còn nợ lại

số tiền gốc 30.000.000 đồng. Quan điểm của Ngân hàng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phần công nợ Ngân hàng nhất trí chị Cà Thị N sẽ là người trả khoản nợ trên với số tiền còn lại là 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo thỏa khế ước đã ký với ngân hàng.

Tại phiên họp kiểm gia việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/11/2022 anh Ph vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên về quan điểm về chia tài sản và công nợ anh nhất trí như ý kiến chị N. Tại phiên hòa giải ngày 24/11/2021, chị N xin rút yêu cầu chia tài sản và công nợ, anh chị xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/1/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G, anh Ph vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2022, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Tại văn bản xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2022 của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần G: Ông Lò Kiên Tr nhất trí với việc xin rút yêu cầu chia nợ chung của chị N, ông không có ý kiến gì khác. Anh Ph vắng mặt không có lý do

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, điều 53 Luật Hôn nhân gia đình: Tuyên bố chị Cà Thị N và anh Cà Văn Ph không có quan hệ vợ chồng. Về con chung: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về quan hệ tài sản: Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản và nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần G theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Cà Thị N và anh Cà Văn Ph chung sống như vợ chồng từ năm 1996 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song bị đơn anh Cà Văn Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Cà Văn Ph chung sống như vợ chồng từ năm 1996 không đăng ký kết hôn theo quy định của Điều 9 luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù không có đăng ký kết hôn song anh chị đã có một quá trình dài chung sống như vợ chồng sinh được 2 người con. Quá trình chung sống do anh Phong nghiện ma túy thường xuyên đánh đập chị Nú, chị cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần song không có kết quả, hơn nữa còn mâu thuẫn trong tính cách khiến tình cảm của chị với anh Phong không còn nữa. Quan điểm của anh Ph không nhất trí ly hôn, muốn quay về đoàn tụ. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, do anh chị không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị sẽ không được pháp luật công nhận là vợ chồng, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị N và anh Cà Văn Ph.

[5] Về con chung: Chị N và anh Ph đều công nhận có 2 con chung: Cháu thứ nhất tên là Cà Văn H, sinh ngày 04/02/1997, cháu thứ hai tên là Cà Thị H, sinh ngày 01/01/1999, hiện tại các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên chị và anh Ph đều không đề nghị Tòa án giải quyết. HĐXX chấp nhận.

[6] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên hòa giải ngày 24/11/2021, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/11/2021 về chia tài sản chung và nợ chung của chị Cà Thị N, anh Ph cũng nhất trí và tại phiên tòa ngày 21/01/2022 chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin rút yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung. Về phần nợ chung tại văn bản xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2022 đã được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần G nhất trí không có ý kiến gì, HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 71, Điều 218, khoản 2 Điều 219, Khoản 2 Điều 273 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nú và đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Nú, chị Cà Thị Nú có quyền khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị N.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 218; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Cà Thị N và anh Cà Văn Ph không có quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận việc chị N không yêu cầu giải quyết về con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Cà Thị N

4. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị N được miễn án dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cà Thị N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 21/01/2022. Bị đơn anh Cà Văn Ph vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G
- Chi cục THADS huyện TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Minh Tâm Trần Mạnh Thắng	**Lê Đình Hà**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạc Thị Kiên **Lò Văn Ơn** **Lê Đình Hà**

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của anh

Anh Dương Xuân Lương có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

{6} Về việc xét xử vắng mặt đương sự: *Ông Nguyễn Xuân Vương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân Vương. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Điện Biên có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.*

Về sự vắng mặt của người làm chứng: *Phiên tòa ngày 27 và 28/12/2018 chỉ có anh Duẩn, chị Làn, chị Lương có mặt. Ông Bùi Quang Minh, anh Loan, anh Yên, ông Hà Văn Khuê, anh Phạm Văn Khuê vắng mặt.Xét thấy sự vắng mặt của những người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, HĐXX tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung (Bỏ)*

Khoản 2 Điều 71; Điều 72; Điều 218, khoản 2 Điều 219, Điều 273 và khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 27 và Điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều: Điều 27; Điều 37; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 176 BLDS năm 1995, khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, 167, 170 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM
Bạc Thị Kiên	**Lê Đình Hà**	**Lò Văn Thương**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình Hà

- Ý kiến ông Vũ Tân Cương: Đối với hồ sơ cấp đất năm 2001 cho hộ ông Vương Quốc Khương văn phòng không có hồ sơ lưu. Đối với việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 cho anh Vương Văn Khương là do hợp thửa 314 và 327, không thể hiện số diện tích mua của anh Lò Văn Yên, bởi đất anh Lò Văn Yên là đất lúa (Đưa vào phần nhận định)

Người làm chứng: Lò Văn Yên, Lò Văn Loan, Ông Hà Văn Khuê, anh Phạm Văn Khuê đều xác nhận và cam đoan tại bản tự khai có việc mua bán chuyển nhượng viết tay với ông Vương Quốc Hùng về thời gian bán, số tiền mua bán chuyển nhượng và diện tích mua bán như lời khai của anh Khương và ông Hùng, việc mua bán đã hoàn thành, đất trên đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên anh Khương, đều không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn đề nghị, ý kiến của anh Vương Văn Khương, chị Nguyễn Thị Vân, Tòa án quyết định đưa ông Vương Quốc

Hùng - Bà Ngô Thị Miễn, Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Điện Biên, ông Nguyễn Xuân Vương, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, anh Phạm Văn Định, chị Bùi Thị Thúy Vân với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đưa ông Hà Văn Khuê, anh Phạm Văn Khuê, anh Lò Văn Loan, Lò Văn Yên, anh Vương Quốc Đại, anh Vương Minh Duẩn, chị Vương Thị Làn, chị Vương Thị Kim Lương và ông Bùi Quang Minh với tư cách là người làm chứng trong vụ án

Đối với diện tích đất ông Hùng khai: Được chia năm 1995 là 1.000m^2, mua của ông Hà Văn Khuê 500m^2, mua của ông Phạm Văn Khuê 500m^2, khai phá thêm 205 m^2. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 là 2000m^2. Sau đó anh Khương bán cho ông Hải 112m^2, bán cho bà Hòa 110m^2. Mua lại của ông Loan (anh trai ông Yên là 600m^2. Thực tế diện tích đất hiện đã trao đổi mua bán và khai phá thêm là 2000m^2 – 222m^2 + 600m^2 + 205 m^2 = 2.583 m^2, lớn hơn so với diện tích đất hiện có là 2.205m^2

Chị Vân cũng khai: ông Hùng cho 1000^2, mua lại của ông Hùng1000m^2. Sau đó anh chị bán cho ông Hải 112m^2, bán cho bà Hòa 110m^2. Mua lại của Lò Văn Loan (ông Yên 600 m^2. Thực tế diện tích đất hiện đã trao đổi mua bán là 2000 m^2 - 222m^2 + 600 m^2 = 2.378 m^2 lớn hơn so với diện tích đất hiện có sau khi cấp đổi sổ là 2.205m^2

Diện tích đất đang chênh lệch này ông Hùng và anh Khương cho rằng phần khai phá thêm 205 m^2 là đất thuộc hàng lang suối liền kề thửa đất nên không thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần mua thêm 600 m^2 của Lò Văn Loan (Lò Văn Yên) thì khi mua cả hai không tiến hành đo đạc. Còn thủ tục chuyển nhượng từ ông Lò Văn Loan sang tên anh Khương do anh Loan có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng, cụ thể diện tích đo đạc thế nào và hợp đồng ra sao cả hai không năm được, sau này anh và ông Hùng mới biết thực tế diện tích chuyển nhượng theo đo đạc của địa chính là 556 m^2 chứ không phải 600 m^2 khi hai bên viết giấy chuyển nhượng tay với nhau không có sự chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng năm 2013 khi cấp đổi sổ, địa chính đã đo vẽ lại nên chỉ có diện tích đất như hiện tại. Do anh Khương không hợp tác trong việc thẩm định tại chỗ lần 2 và lần 3 nên không có căn cứ để xác định diện tích đất thực tế hiện có so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Tuy nhiên cả hai anh chị và ông Hùng đều khẳng định khi xin cấp đổi GCNQSDĐ cán bộ địa chính đã đo vẽ lại đúng diện tích đất đang sử dụng và đúng với kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ lần 1 của Tòa án. Anh, chị không mua, bán hay khai phá thêm nên đây là chứng cứ không cần chứng minh.